

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Huệ
2. Bà Nguyễn Thị Thiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 24-02-2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-4-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 29/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận, anh M mãi chơi dấn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, to tiếng với nhau. Chị đã cho anh M nhiều cơ hội, nhưng anh M không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng S sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 26/3/2017. Ly hôn, do các con đã lớn,

nguyện vọng của các con muốn ở với ai tôi đều nhất trí. Tuy nhiên, nếu anh M không muốn nuôi con thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 28/4/2025 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 29/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng S sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 26/3/2017. Chị D đã đi làm công nhân ở công ty được 6 đến 7 năm, một mình anh ở nhà chăm sóc hai con từ khi còn nhỏ. Nhưng đến nay các con đang độ tuổi phát triển tâm sinh lý, nên giữa anh và các con thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với nhau đặc biệt là mâu thuẫn với cháu Nguyễn Hồng S. Nếu phải ly hôn anh xác định bản thân anh không có khả năng để nuôi dạy các con, anh đề nghị giao 02 con là Nguyễn Hồng S và Nguyễn Hồng Nh cho chị D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục vì anh xét thấy các con đang ở độ tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ, anh là đàn ông không đảm đương được. Về cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nếu phải ly hôn, anh chị tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tiếp cho anh M nhưng anh M không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con đối với anh Nguyễn Văn M. Anh Nguyễn Văn M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 29/6/2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị Nguyễn Thị D trình bày trong cuộc sống vợ chồng anh, chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi chửi nhau. Nhiều lần chị đã tha thứ cho anh M nhưng anh M không thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đã đi làm công nhân tại công ty từ năm 2019. Chị xác định không còn tình cảm với anh M, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh Nguyễn Văn M xác định trong cuộc sống vợ chồng anh, chị chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong việc nuôi dạy con cái, nguyên nhân là do anh một mình ở nhà nuôi dạy 02 con, chị D đi làm công nhân thường xuyên vắng nhà, dẫn đến vợ, chồng, bố con bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy, giáo dục con. Bản thân anh xác định tình cảm vợ, chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Anh không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua trình bày của các đương sự và việc tranh tụng tại phiên tòa chị D và anh M đều xác định trong những năm gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong việc nuôi dạy con, vợ, chồng không có tiếng nói chung dẫn đến xảy ra bất đồng giữa vợ và chồng trong việc nuôi dạy con; bất đồng giữa bố và con trong việc giáo dục học tập. Tại phiên tòa chị D và anh M không đưa ra được giải pháp gì để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống. Bản thân anh, chị cũng xác định vợ chồng hiện nay đang sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị D được ly hôn anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng S sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 26/3/2017. Chị D có nguyện vọng được nuôi cả 02 con không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Hồng S và Nguyễn Hồng Nh có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện cháu Nh có nguyện vọng ở với bố, cháu S có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố, mẹ ly hôn. Tại phiên tòa anh M xác định hiện nay anh xét thấy mình không có khả năng để nuôi dạy các con bởi giữa anh và cháu Nguyễn Hồng S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh không dạy bảo được cháu, mỗi lần bố con xảy ra mâu thuẫn thì cháu lại bỏ về nhà ông, bà ngoại dẫn đến bố con bất đồng nghiêm trọng với nhau; Đối với cháu Nguyễn Hồng Nh là con gái hiện nay đang ở độ tuổi dậy thì rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó anh đề nghị nếu phải ly hôn thì giao 02 con cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét nguyện vọng của chị D, anh M và xét thấy cần đảm bảo về mọi mặt cho sự phát triển của các con khi bố mẹ ly hôn nên cần giao 02 con là Nguyễn Hồng S sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 26/3/2017 cho chị

Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn M

2. Về con chung: Giao 02 con là Nguyễn Hồng S sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 26/3/2017 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0000187 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 24-02-2025 (xác nhận chị D đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã G, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương